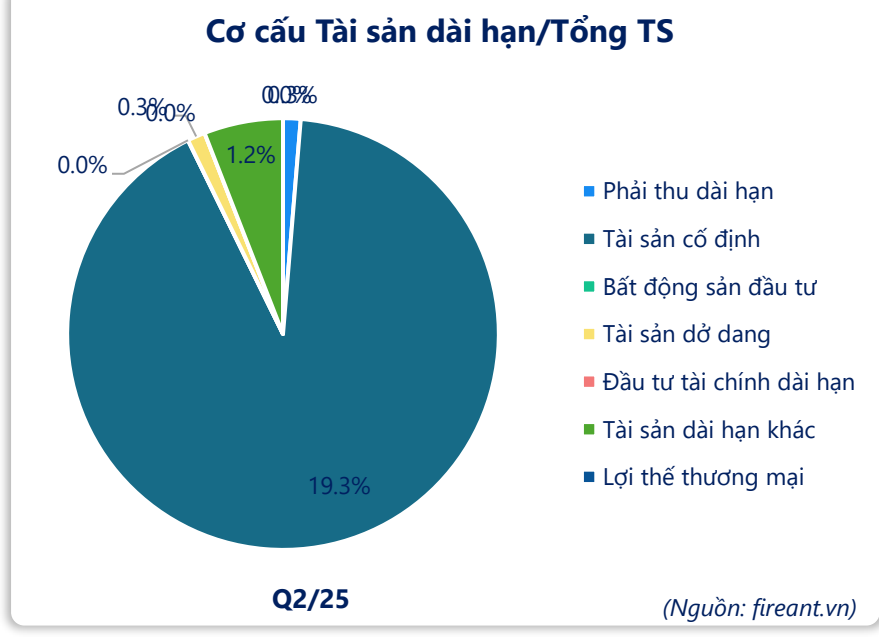
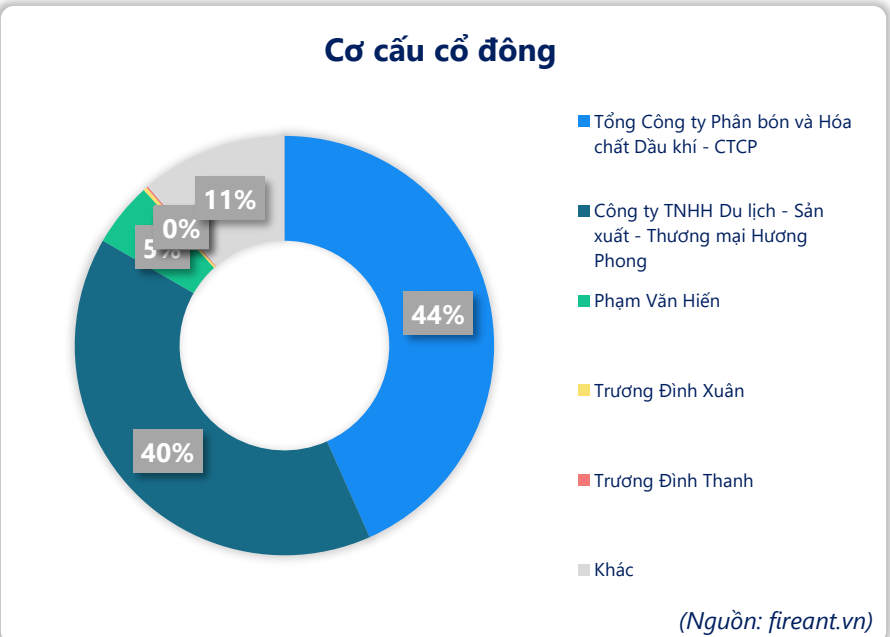
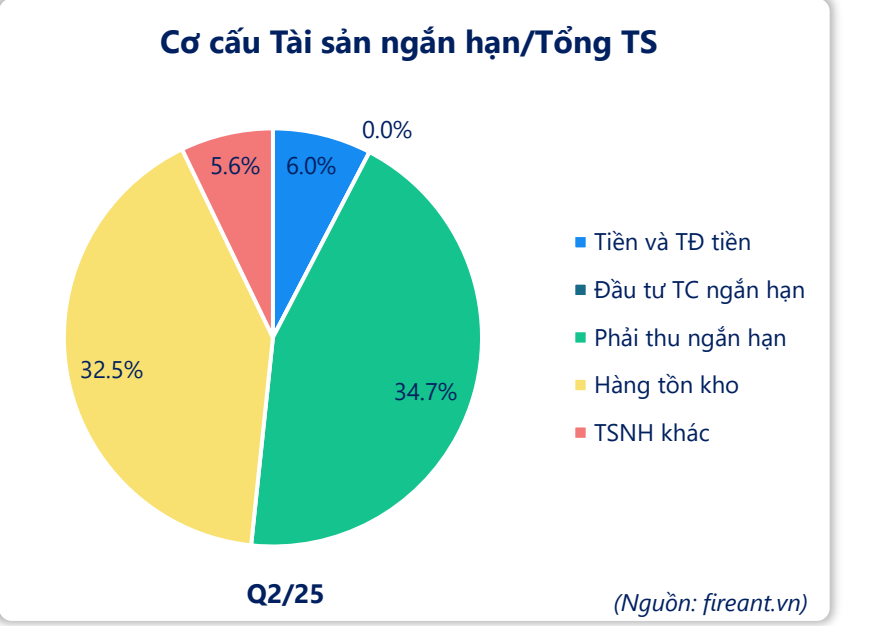
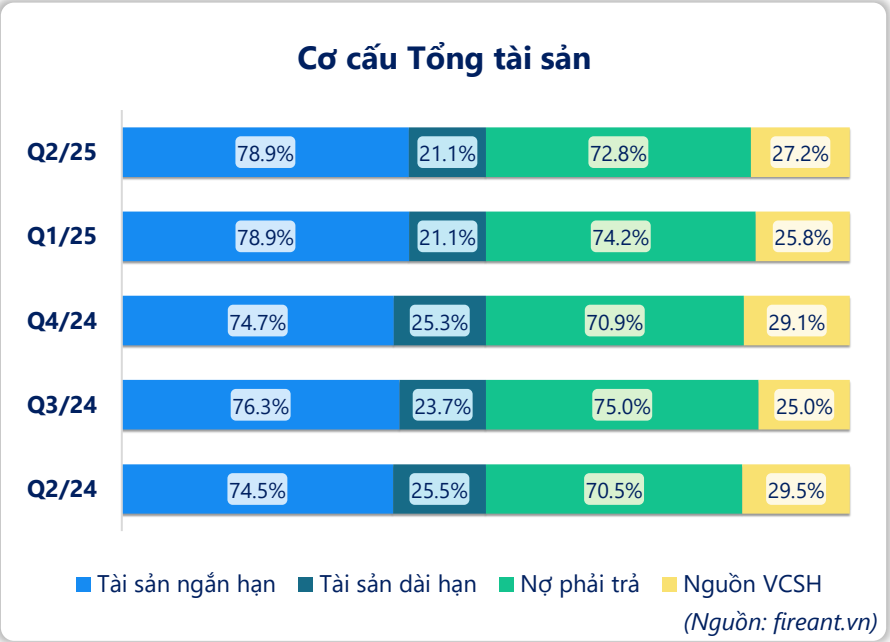
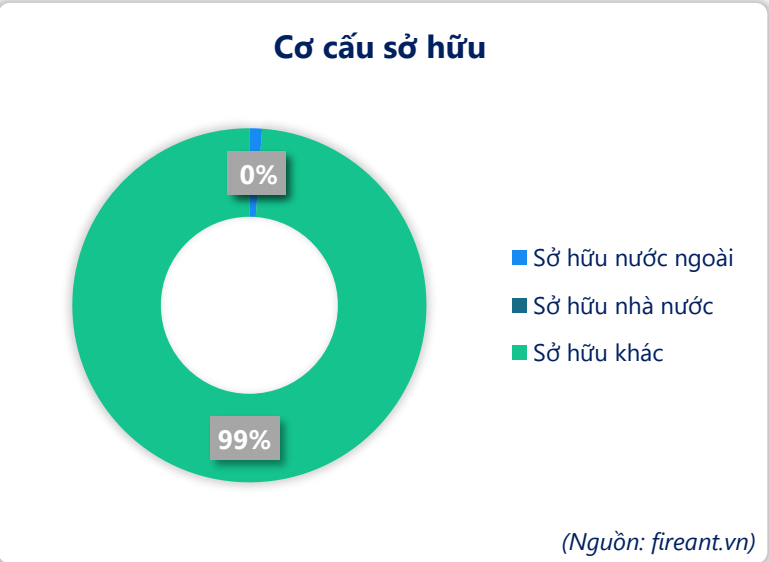
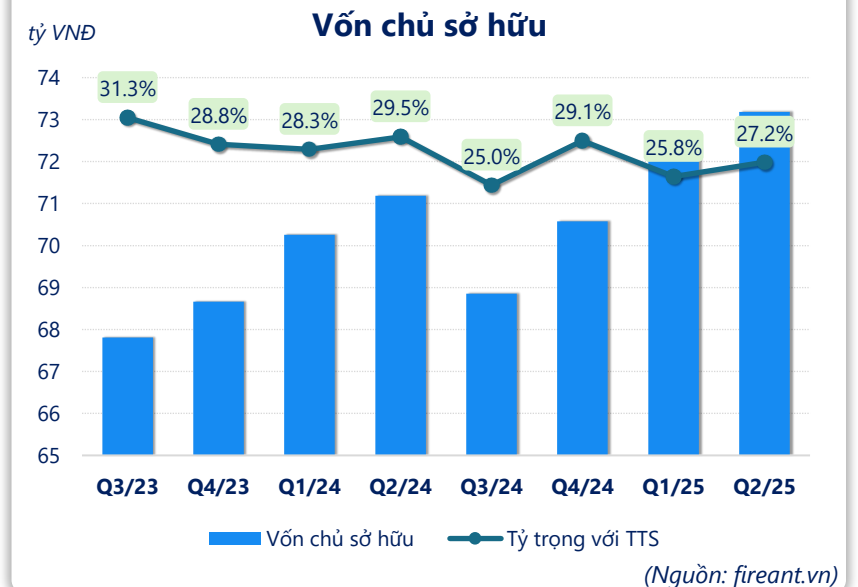
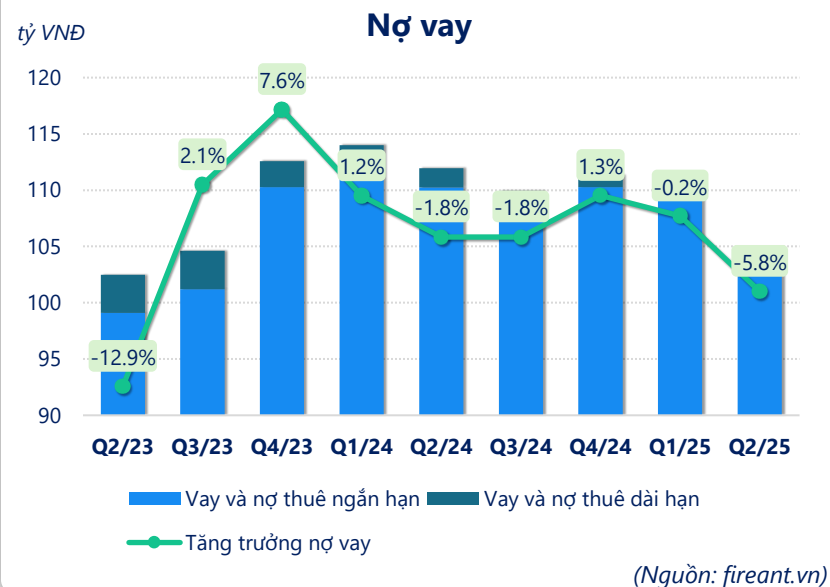
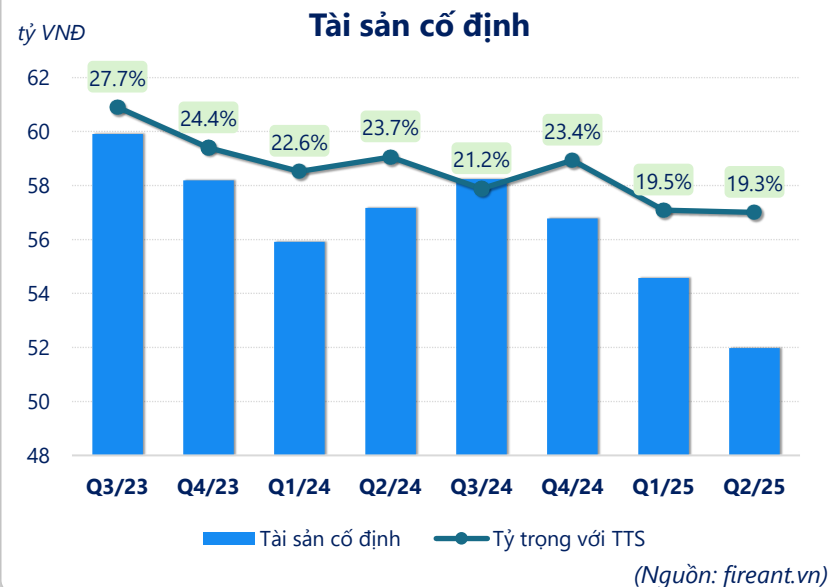
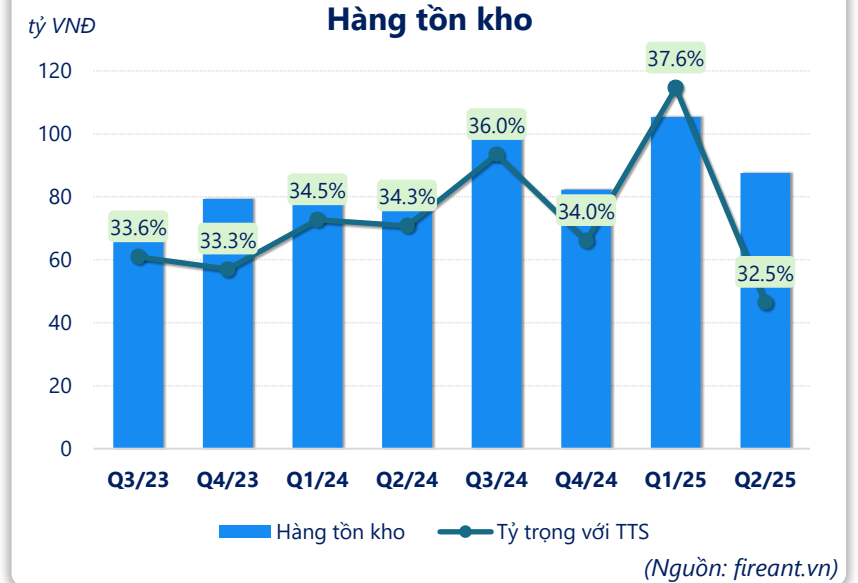
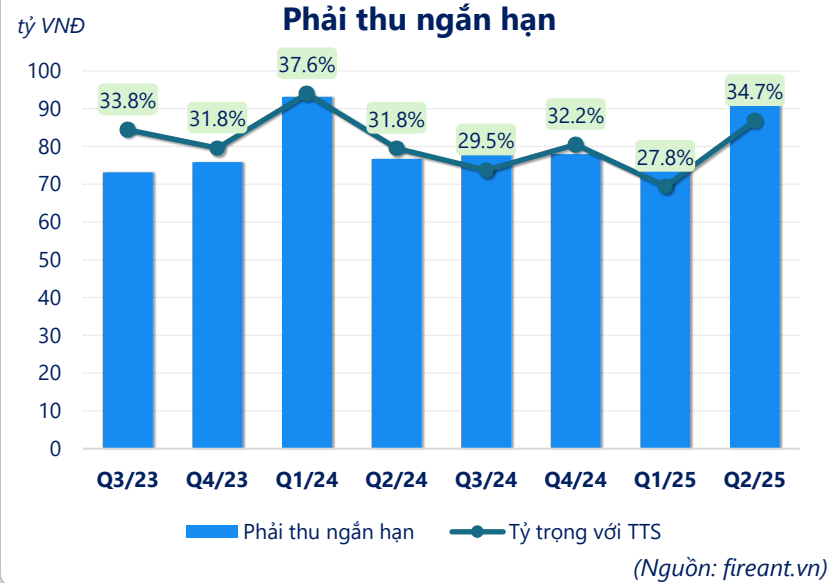
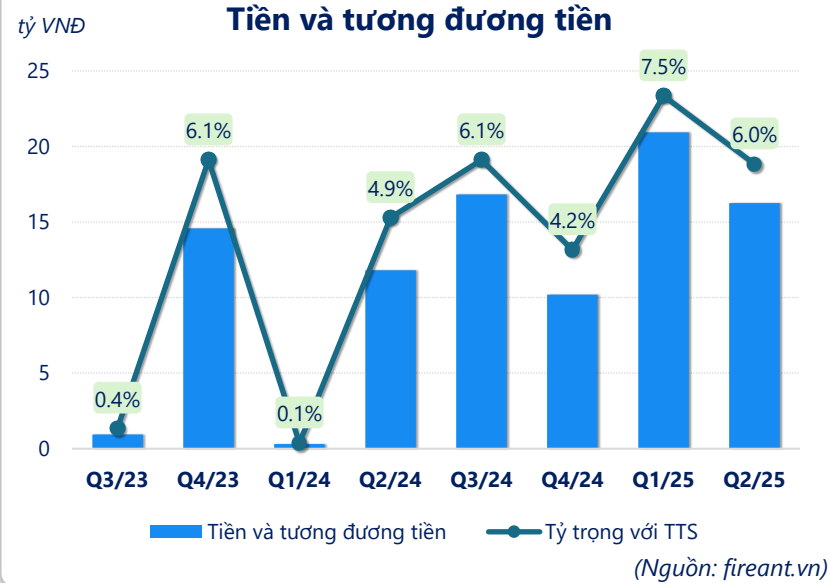
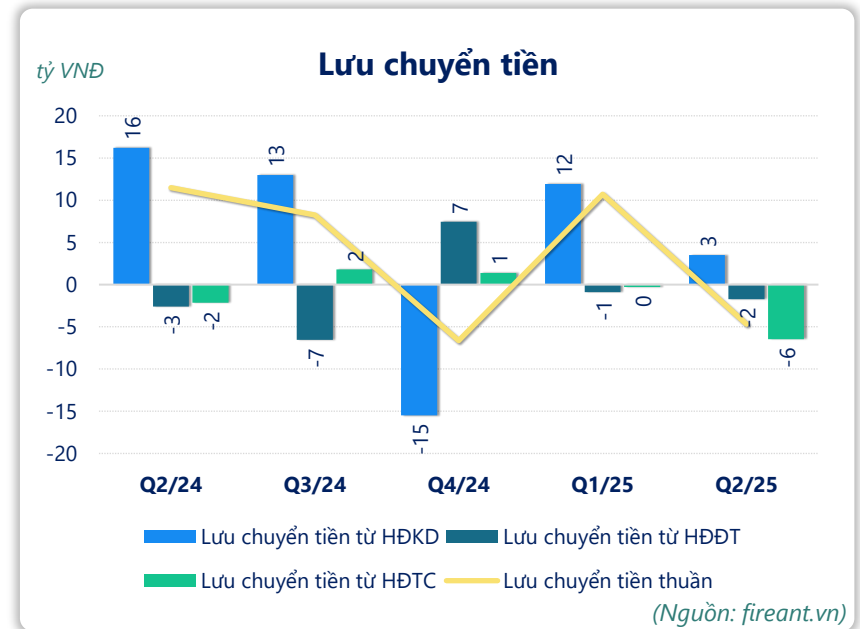
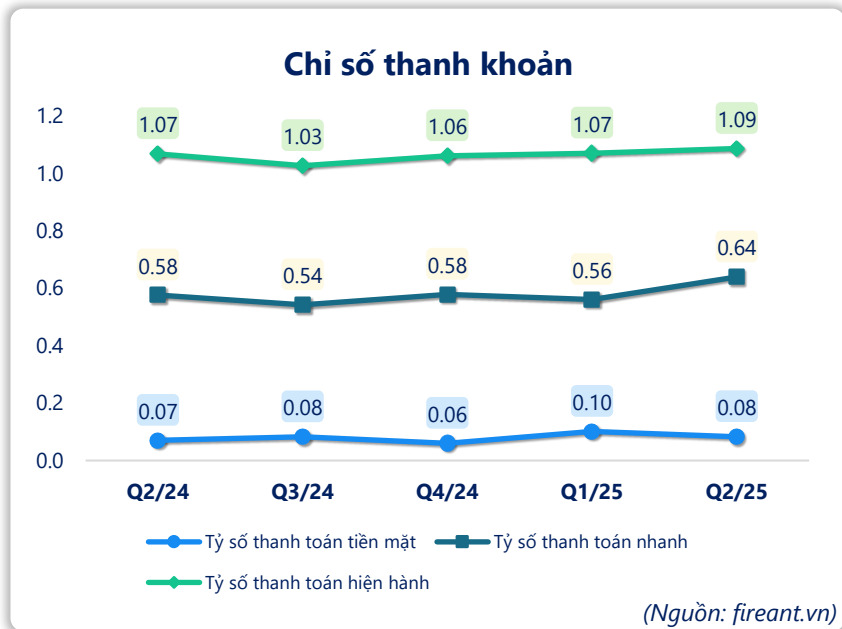
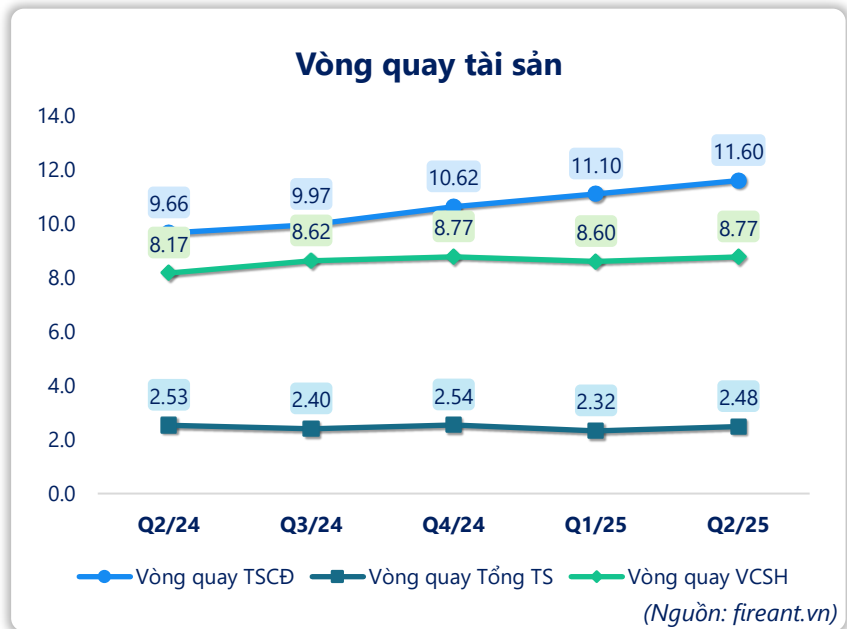
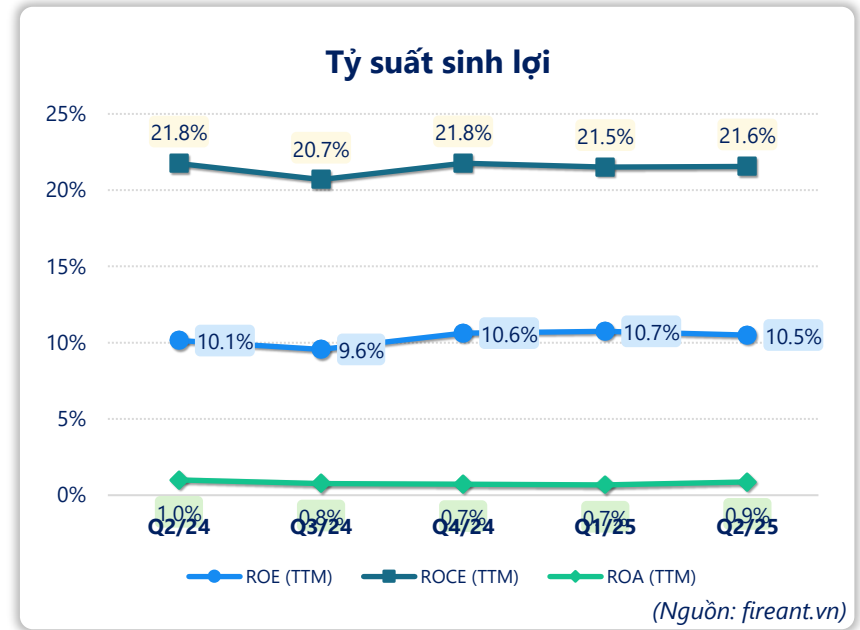
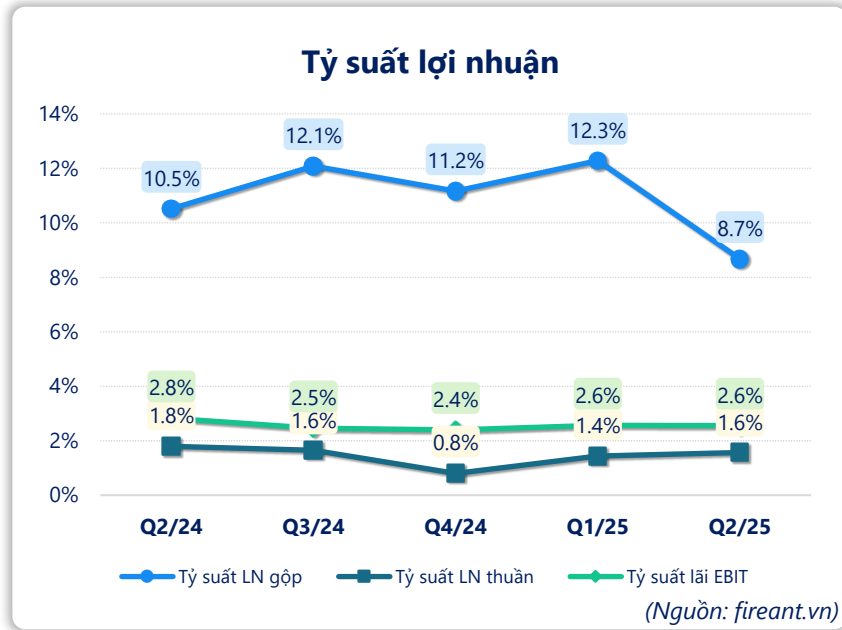
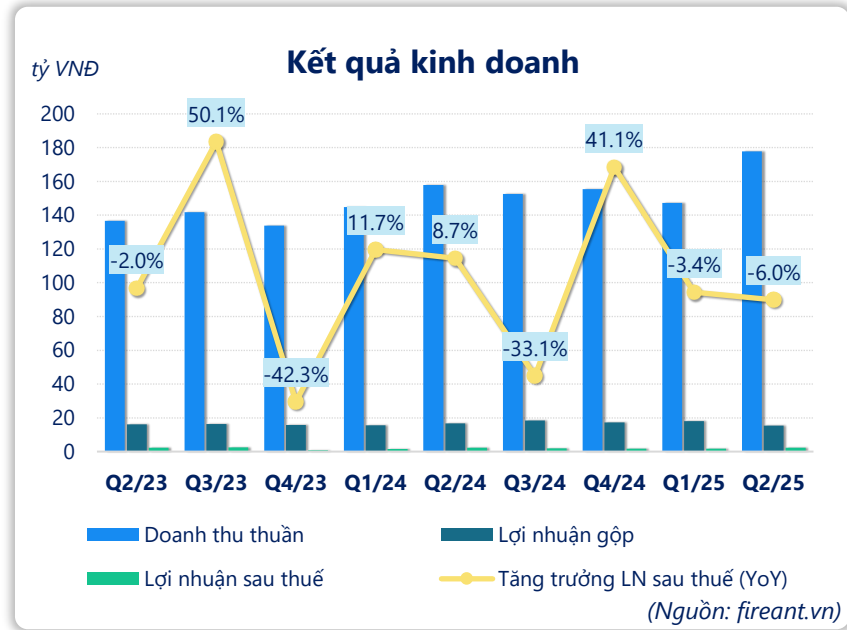


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		13,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,253
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,932
SL cổ phiếu LH		4,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		210
% sở hữu nước ngoài		1.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		57
P/E		7.5
EPS		1,805

	YTD	1T	3T	6T
PMP	7.9%	8.7%	7.9%	7.9%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	269	242	11.2%
Tài sản ngắn hạn	213	181	17.5%
Tiền và tương đương tiền	16.2	10.2	59.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	93.6	78.0	19.9%
Hàng tồn kho	87.5	82.2	6.4%
Tài sản ngắn hạn khác	15.2	10.5	45.1%
Tài sản dài hạn	56.9	61.3	-7.2%
Phải thu dài hạn	0.75	0.75	0.0%
Tài sản cố định	52.0	56.8	-8.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.76	0.21	268%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.37	3.54	-4.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	196	172	14.3%
Nợ ngắn hạn	196	171	14.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	104	110	-5.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	58.5	34.4	69.9%
Nợ dài hạn	0.51	1.06	-52.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.51	1.06	-52.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	73.2	70.6	3.7%
Vốn chủ sở hữu	73.2	70.6	3.7%
Vốn điều lệ	42.0	42.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	158	153	155	147	178
Giá vốn hàng bán	141	134	138	129	162
Lợi nhuận gộp	16.6	18.4	17.4	18.1	15.4
Doanh thu HĐTC	0.46	0.10	0.37	0.30	1.36
Chi phí TC	1.54	1.64	1.66	1.73	1.77
Chi phí lãi vay	1.56	1.42	1.45	1.52	1.77
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.31	4.63	3.62	3.14	3.49
Chi phí QLDN	9.40	9.76	11.2	11.4	8.74
LN thuần từ HĐKD	2.84	2.51	1.25	2.12	2.78
Lợi nhuận khác	0.07	-0.18	1.03	0.13	0.00
LN trước thuế	2.90	2.33	2.28	2.25	2.78
Lợi nhuận sau thuế	2.29	1.86	1.73	1.79	2.21
LNST của CĐ cty mẹ	2.29	1.86	1.73	1.79	2.21

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	16.2	13.0	-15.5	11.9	3.50
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.58	-6.53	7.45	-0.91	-1.72
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.14	1.79	1.40	-0.27	-6.47
Tiền đầu kỳ	0.30	8.61	16.8	10.2	20.9
Lưu chuyển tiền thuần	11.5	8.22	-6.63	10.7	-4.69
Ảnh hưởng tỷ giá	0.02	-0.01	0.01	0.01	0.00
Tiền cuối kỳ	11.8	16.8	10.2	20.9	16.2

(Nguồn: fireant.vn)